

ĐỀ ÔN TẬP HÈ TOÁN LỚP 3**BỘ SÁCH: KẾT NỐI TRI THỨC VỚI CUỘC SỐNG****ĐỀ SỐ 1****PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

Khoanh vào chữ cái trước ý đúng trong mỗi câu sau:

Câu 1. Trong các số: 42 078; 42 090; 42 100; 42 099; 42 109; 42 901. Số lớn nhất là:

- A. 42 099 B. 42 901 C. 42 075 D. 42 090

Câu 2. Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được:

- A. 56 000 B. 60 000 C. 56 500 D. 56 490

Câu 3. Giá trị của x thoả mãn $6\,522 - x = 1\,964$:

- A. 4 288 B. 4 558 C. 4 576 D. 8 486

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 4dm 2cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{7}$ chiều dài. Tính diện tích hình chữ nhật đó?

- A. 6 cm^2 B. 98 cm^2 C. 252 cm^2 D. 184 cm^2

Câu 5. Lan mua một quyển vở giá 8 500 đồng và 2 cái bút, mỗi cái bút giá 3 500 đồng. Lan đưa cô bán hàng 20 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

- A. 8 000 đồng B. 9 000 đồng
C. 4 500 đồng D. 5 500 đồng

PHẦN 2. TỰ LUẬN

Câu 1. Đồng hồ chỉ mấy giờ:



Câu 2. Đặt tính rồi tính

$45\,378 + 37\,416$

$68\,157 - 56\,249$

$8\,206 \times 6$

$12\,545 : 5$

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 3. Xe thứ nhất chở được 1 245 kg gạo. Xe thứ hai chở được bằng $\frac{1}{3}$ xe thứ hai. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?



.....

.....

.....

.....

.....

Câu 4.

a) Tính diện tích hình vuông có chu vi 36 cm.

b) Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

.....

.....

.....

.....

.....

.....

Câu 5. Dưới đây là bảng giá được niêm yết ở một cửa hàng văn phòng phẩm:

Sản phẩm	Bút mực	Bút chì	Vở ô ly	Thước kẻ
Giá 1 sản phẩm	6 000 đồng	4 000 đồng	10 000 đồng	8 000 đồng

Quan sát bảng số liệu thống kê và trả lời câu hỏi:

a) Sản phẩm nào có giá cao nhất? Sản phẩm nào có giá thấp nhất?

.....

.....

b) Mai mua 3 sản phẩm hết vừa tròn 20 000 đồng. Nêu những khả năng có thể xảy ra.

.....

.....

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM**

Câu 1. Trong các số: 42 078; 42 090; 42 100; 42 099; 42 109; 42 901. Số lớn nhất là:

- A. 42 099 B. 42 901 C. 42 075 D. 42 090

Phương pháp

So sánh các số để xác định số lớn nhất.

Lời giải

Số lớn nhất là 42 901.

Chọn B

Câu 2. Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được:

- A. 56 000 B. 60 000 C. 56 500 D. 56 490

Phương pháp

Khi làm tròn số đến hàng nghìn, ta so sánh chữ số hàng trăm với 5. Nếu chữ số hàng trăm bé hơn 5 thì làm tròn xuống, còn lại thì làm tròn lên.

Lời giải

Làm tròn số 56 485 đến hàng nghìn ta được 56 000. (vì chữ số hàng trăm là $4 < 5$, làm tròn xuống)

Chọn A

Câu 3. Giá trị của x thỏa mãn $6\,522 - x = 1\,964$:

- A. 4 288 B. 4 558 C. 4 576 D. 8 486

Phương pháp

Muốn tìm số trừ, ta lấy số bị trừ trừ đi hiệu.

Lời giải

$$6\,522 - x = 1\,964$$

$$6\,522 - 1\,964 = 4\,558$$

Chọn B

Câu 4. Một hình chữ nhật có chiều dài 4dm 2cm, chiều rộng bằng $\frac{1}{7}$ chiều dài. Tính diện tích hình

chữ nhật đó?

- A. 6 cm² B. 98 cm² C. 252 cm² D. 184 cm²

Phương pháp

- Đổi 4dm 2cm sang đơn vị xăng-ti-mét
- Chiều rộng = chiều dài : 7
- Diện tích hình chữ nhật = chiều dài x chiều rộng

Lời giải

Đôi: $4\text{dm } 2\text{cm} = 42\text{ cm}$

Chiều rộng hình chữ nhật là: $42 : 7 = 6\text{ (cm)}$

Diện tích hình chữ nhật là: $42 \times 6 = 252\text{ (cm}^2\text{)}$

Chọn C

Câu 5. Lan mua một quyển vở giá 8 500 đồng và 2 cái bút, mỗi cái bút giá 3 500 đồng. Lan đưa cô bán hàng 20 000 đồng. Hỏi cô bán hàng phải trả lại Lan bao nhiêu tiền?

A. 8 000 đồng

B. 9 000 đồng

C. 4 500 đồng

D. 5 500 đồng

Phương pháp

- Tìm số tiền Lan đã mua 1 quyển vở và 2 cái bút

- Tìm số tiền cô bán hàng cần trả lại

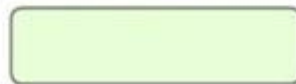
Lời giải

Lan mua 1 quyển vở và 2 cái bút hết số tiền là: $8\ 500 + 3\ 500 \times 2 = 15\ 500\text{ (đồng)}$

Cô bán hàng phải trả lại Lan số tiền là: $20\ 000 - 15\ 500 = 4\ 500\text{ (đồng)}$

Chọn C**PHẦN II. TỰ LUẬN**

Câu 1. Đồng hồ chỉ mấy giờ:

**Phương pháp**

Quan sát tranh rồi viết thời gian ứng với mỗi đồng hồ.

Lời giải

11 giờ 48 phút



10 giờ 5 phút



7 giờ 3 phút

Câu 2. Đặt tính rồi tính

$45\,378 + 37\,416$

$68\,157 - 56\,249$

$8\,206 \times 6$

$12\,545 : 5$

Phương pháp

- Đặt tính
- Với phép cộng, phép trừ, phép nhân: Thực hiện lần lượt từ phải sang trái
- Với phép chia: Chia lần lượt từ trái sang phải

Lời giải

$$\begin{array}{r} 45\,378 \\ + 37\,416 \\ \hline 82\,794 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 68\,157 \\ - 56\,249 \\ \hline 11\,908 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 8\,206 \\ \times 6 \\ \hline 49\,236 \end{array}$$

$$\begin{array}{r} 12\,545 \overline{) 5} \\ 25 \overline{) 2509} \\ \underline{04} \\ 45 \\ \underline{0} \end{array}$$

Câu 3. Xe thứ nhất chở được 1 245 kg gạo. Xe thứ hai chở được bằng $\frac{1}{3}$ xe thứ nhất. Hỏi cả hai xe chở được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

**Phương pháp**

- Tìm số kg gạo xe thứ hai chở được = Số kg gạo xe thứ nhất chở được : 3
- Tìm số kg gạo 2 xe chở được

Lời giải

Số ki-lô-gam gạo xe thứ hai chở được là:

$$1\,245 : 3 = 415 \text{ (kg)}$$

Cả hai xe chở được số ki-lô-gam gạo là:

$$1\,245 + 415 = 1\,660 \text{ (kg)}$$

Đáp số: 1 660 kg gạo

Câu 4.

- Tính diện tích hình vuông có chu vi 36 cm.
- Tính chu vi hình chữ nhật có chiều rộng bằng cạnh hình vuông ở câu a và có chiều dài gấp 3 lần chiều rộng.

Phương pháp

- Tìm độ dài cạnh hình vuông = chu vi : 4

Diện tích hình vuông = cạnh x cạnh

b) Chiều dài = chiều rộng x 4

Chu vi hình chữ nhật = (chiều dài + chiều rộng) x 2

Lời giải

a) Độ dài cạnh hình vuông là:

$$36 : 4 = 9 \text{ (cm)}$$

Diện tích hình vuông là:

$$9 \times 9 = 81 \text{ (cm}^2\text{)}$$

Đáp số: 81 cm²

b) Ta có chiều rộng hình chữ nhật bằng độ dài cạnh hình vuông và bằng 9 cm

Chiều dài hình chữ nhật là:

$$9 \times 3 = 27 \text{ (cm)}$$

Chu vi hình chữ nhật là:

$$(27 + 9) \times 2 = 72 \text{ (cm)}$$

Đáp số: 72 cm

Câu 5. Dưới đây là bảng giá được niêm yết ở một cửa hàng văn phòng phẩm:

Sản phẩm	Bút mực	Bút chì	Vở ô ly	Thước kẻ
Giá 1 sản phẩm	6 000 đồng	4 000 đồng	10 000 đồng	8 000 đồng

Quan sát bảng số liệu thống kê và trả lời câu hỏi:

a) Sản phẩm nào có giá cao nhất? Sản phẩm nào có giá thấp nhất?

b) Mai mua 3 sản phẩm hết vừa tròn 20 000 đồng. Nêu những khả năng có thể xảy ra.

Phương pháp

Quan sát biểu đồ để trả lời câu hỏi

Lời giải

a) Vở ô ly có giá cao nhất. Bút chì có giá thấp nhất.

b) Những khả năng có thể xảy ra là:

- Mai mua 1 chiếc bút mực, 1 chiếc bút chì, 1 quyển vở ô ly
- Mai mua 2 quyển vở ô ly
- Mai mua 2 chiếc bút mực và 2 bút chì